

TRƯỜNG THCS GIANG BIÊN
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN
Ngày soạn: 16/12/2023
Ngày kiểm tra:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: SINH HỌC 9

MĐ	Biết		Hiểu		Vận dụng thấp		Vận dụng cao		Tổng	
ND	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Các thí nghiệm của Mendel	Chuẩn KT-KN: - Phát biểu được nội dung QLPL, QLPLĐL. - Nhận biết được BDTH xuất hiện trong phép lai 2 cặp tính trạng.		Chuẩn KT-KN: - Nêu ý nghĩa của QLPL, QLPLĐL.		Chuẩn KT-KN: - Quan sát và giải thích được các kết quả thí nghiệm theo quan điểm của Mendel.		Chuẩn KT-KN: - Xác định được ứng dụng của QLPL trong sản xuất và đời sống. - Viết được sơ đồ lai			
Số câu	1c		1c						2C	
Điểm	0,4đ		0,4đ						0,8đ	
NST	Chuẩn KT-KN: - Nhớ lại một số khái niệm về NST. - Nhớ lại được diễn biến cơ bản của NST qua các kỳ NP và GP.		Chuẩn KT-KN: - Xác định bộ NST đơn bội của loài. - Trình bày cấu trúc hiển vi của NST. - Xác định số NST thường ở một loài. - So sánh NST thường và NST giới tính.		Chuẩn KT-KN: - Trình bày ý nghĩa sự thay đổi trạng thái, biến đổi số lượng và sự vận động của NST trong các kỳ. - Nêu ý nghĩa của NP, GP.		Chuẩn KT-KN: - Xác định trạng thái, số lượng sự vận động của NST trong các kỳ NP ở một loài. - Xác định trạng thái, số lượng sự vận động của NST trong các kỳ GP ở một loài. - Vận dụng xác định hình thái, số lượng NST trong NP, GP của một loài.			
Số câu	1c		1c	1c	1c		1c		4c	1c
Điểm	0,4đ		0,4đ	1đ	0,4đ		0,4đ		1,6đ	1đ
AND và Gen	Chuẩn KT-KN: - Nêu được thành phần hóa học, tính đặc thù và đa dạng của		Chuẩn KT-KN: - Mô tả được cấu trúc không gian của ADN (chú ý tới NTBS).		Chuẩn KT-KN: - Xác định được sự tạo thành các ADN con và ARN dựa trên		Chuẩn KT-KN: - Xác định được số lượng Nu của ADN, số Nu từng loại của ADN;....			

	ADN. - Nêu được cơ chế tự nhân đôi ADN (theo NTBS, bán bảo toàn).		- Giải thích được vì sao ADN có tính đa dạng và ổn định. - Biết được sự tạo thành ARN dựa trên mạch khuôn của gen và diễn ra theo NTBS.		mạch khuôn của gen và diễn ra theo NTBS.					
Số câu			1c	1c	1c		1c		3c	1c
Điểm			0,4đ	1đ	0,4đ		0,4đ		1,2đ	1đ
Biến dị	Chuẩn KT-KN: - Nêu được khái niệm biến dị; đột biến gen; đột biến NST,...; nêu các dạng. - Nêu được khái niệm thường biến, mức phản ứng.		Chuẩn KT-KN: - Nêu được nguyên nhân phát sinh và một số biểu hiện của đột biến gen và đột biến NST. - Nêu được Mqh giữa KG, MT và KH.		Chuẩn KT-KN: - Nêu được một số ví dụ về biến dị.		Chuẩn KT-KN: - Phân biệt được thường biến với đột biến. - Viết được sơ đồ và giải thích cơ chế phát sinh một số loại biến dị.			
Số câu	1c		1c				1c	1c	3c	1c
Điểm	0,4đ		0,4đ				0,4đ	1đ	1,2đ	1đ
Di truyền	Chuẩn KT-KN: - Nêu được các khó khăn trong NC di truyền người.		Chuẩn KT-KN: - Hiểu được di truyền y học tư vấn là gì; nội dung. - Hiểu được một số bệnh, tật di truyền.		Chuẩn KT-KN: - Biết viết và đọc sơ đồ phả hệ.		Chuẩn KT-KN: - Giải thích được cơ sở khoa học của một số qui định trong hôn nhân và KHHGĐ.			
Số câu	1c		1c		1c				3c	
Điểm	0,4đ		0,4đ		0,4đ				1,2đ	
Tổng	4c	1c	5c	2c	3c		3c	1c	15c	4c
	1,2đ	1đ	2đ	2đ	1,2đ		1,2đ	1đ	6đ	4đ

I. TRẮC NGHIỆM (6 điểm):

Chọn đáp án đúng trong các câu sau?

- Câu 1: Những đặc điểm về hình thái, cấu tạo, sinh lí của sinh vật được gọi là?
A. Tính trạng B. Kiểu gen C. Kiểu hình D. Kiểu gen và kiểu hình.
- Câu 2: Đối tượng chính được Mendel sử dụng để nghiên cứu và phát hiện ra quy luật di truyền là?
A. Cây đậu Hà lan B. Cây cà chua C. Ruồi giấm D. Cá kiếm.
- Câu 3: Ở một loài thực vật, gen B quy định hoa đỏ, trội hoàn toàn so với gen b quy định hoa trắng. Phép lai nào dưới đây cho F₁ có 100% hoa đỏ?
A. P: BB x Bb B. P: Bb x Bb C. P: Bb x bb D. P: bb x bb
- Câu 4: Trong chu kì tế bào cấu trúc điển hình của NST được mô tả ở kì nào sau đây?
A. Kì trung gian B. Kì đầu C. Kì giữa D. Kì sau
- Câu 5: Giảm phân là hình thức phân bào của loại tế bào nào?
A. Tế bào sinh dưỡng B. Tế bào mầm
C. Tế bào sinh dục ở thời kì chín D. Giao tử
- Câu 6: Quá trình tự nhân đôi của phân tử ADN xảy ra ở đâu trong tế bào?
A. Màng tế bào B. Chất tế bào C. Nhân tế bào D. Riboxom
- Câu 7: Dạng đột biến cấu trúc NST làm giảm số gen trong tế bào và gây hậu quả nghiêm trọng là?
A. Mất đoạn B. Lặp đoạn C. Đảo đoạn D. Chuyển đoạn
- Câu 8: Ở người mất đoạn nhỏ ở đầu NST số 21 sẽ gây nên bệnh.
A. Mù màu B. Bạch tạng C. Ung thư máu D. Câm điếc bẩm sinh.
- Câu 9: Phương thức sinh sản có thể làm xuất hiện nhiều biến dị tổ hợp ở sinh vật là:
A. Sinh sản vô tính B. Sinh sản hữu tính
C. Sinh sản sinh dưỡng D. Sinh sản tái sinh.
- Câu 10: Bộ NST của người nam bình thường là:
A. 44A, XX B. 44A, XY C. 44A, OY, D. 44A, XXY.
- Câu 11: Theo quy luật phân li của Mendel, cặp nhân tố di truyền Aa ở F₁ đã tạo ra các loại giao tử với tỉ lệ tương ứng là?
A. 100% A B. 50% A: 50% a C. 75% A: 25% a D. 100% a
- Câu 12: Các cơ thể có kiểu gen nào dưới đây khi giảm phân chỉ tạo ra một loại giao tử?
A. AA và aa B. AA và Aa C. Aa và aa D. AA, Aa, aa
- Câu 13: Khi nghiên cứu một tính trạng ở cây đậu Hà lan, Men đen đã phát hiện ra?
A. Quy luật phân li B. Quy luật phân li độc lập
C. Quy luật di truyền liên kết D. Quy luật phân li và quy luật phân li độc lập
- Câu 14: Trong quá trình phân bào, hoạt động phân li của các NST xảy ra ở kì nào?
A. Kì đầu B. Kì giữa C. Kì sau D. Kì cuối
- Câu 15: Trong các loại axitnucleic, phân tử có vai trò truyền đạt thông tin quy định cấu trúc của protein cần tổng hợp trong tế bào là?
A. ADN B. mARN C. tARN D. rARN

II. TỰ LUẬN(4đ)

- Câu 1: Trình bày cơ chế sinh con trai, con gái ở người? Quan niệm cho rằng việc sinh con trai hay con gái do người mẹ quyết định đúng hay sai.(1đ)
- Câu 2: Đột biến gen là gì? Tại sao đột biến gen thường có hại cho bản thân sinh vật?(1đ)
- Câu 3: Phân biệt thường biến với đột biến(1đ)

TRƯỜNG THCS GIANG BIÊN
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN
(Đáp án có 01 trang)

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: SINH HỌC 9

Câu 4: Vẽ sơ đồ cơ chế phát sinh thể dị bội có $(2n+1)$ và $(2n-1)$ (1đ)

I. TRẮC NGHIỆM

Mỗi ý đúng cho 0,4 đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đáp án	A	A	A	C	C	C	A	C	B	B	B	A	A	C	B

II. TỰ LUẬN

Câu	ĐÁP ÁN	Điểm
Câu 1 (1 đ)	Trình bày đúng cơ chế (0,5đ) $\begin{array}{ccc} P: 44A+ XX & \times & 44A+ XY \\ G: (22A +X) & & (22A +X) (22A +Y) \\ F_1 (44A+ XX) & & (44A+ XY) \\ & & (1nữ : 1 nam) \end{array}$	0,5đ
	Giải thích đúng(0,5đ) Việc sinh con trai hay con gái do người phụ nữ quy định là sai:vì việc sinh con trai hay con gái là do sự tổ hợp ngẫu nhiên của các NST giới tính trong quá trình thụ tinh nên việc sinh con trai hay con gái là do người bố vì chỉ người bố mới tạo được giao tử mang NST giới tính Y quyết định việc sinh con trai.	0,5đ
Câu 2 (1 đ)	Nêu đúng khái niệm đột biến gen: Là những biến đổi trong cấu trúc của gen liên quan tới một hoặc một số cặp nucleotit	0,5đ
	Đột biến gen thường có hại cho bản thân sinh vật vì: chúng phá vỡ sự thống nhất hài hòa trong kiểu gen đã qua chọn lọc tự nhiên và duy trì lâu đời trong điều kiện tự nhiên, gây ra những rối loạn trong quá trình tổng hợp protein.	0,5đ
Câu 3 (1đ)	Thường biến(0,5đ) + Là những biến đổi kiểu hình, không biến đổi kiểu gen nên không di truyền được. + Phát sinh đồng loạt theo cùng 1 hướng tương ứng với điều kiện môi trường, có ý nghĩa thích nghi nên có lợi cho bản thân sinh vật.	(1đ)
	Đột biến(0,5đ) + Là những biến đổi trong vật chất di truyền (NST, ADN) nên di truyền được. + Xuất hiện với tần số thấp, ngẫu nhiên, cá biệt, thường có hại cho bản thân sinh vật.	
Câu 4 (1 đ)	: Vẽ đúng sơ đồ phát sinh thể dị bội $2n+ 1: 2n-1$	1đ

*** Thống kê kết quả**

Lớp/SS	Điểm										Tổng			
	< 3,5		3,5-4,9		5-6,4		6,5-7,9		8-10		Trên TB		Dưới TB	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
9A-36														
9B-29														
9C-31														

Giang Biên, ngày tháng 12 năm 2023

P. HIỆU TRƯỞNG

XÁC NHẬN CỦA TCM

NGƯỜI RA ĐỀ

Phạm Trung Thịnh

Nguyễn Thị Thu Huyền

Hoàng Thị Tuyết

